

Bản án số: 935/2018/HNST
Ngày: 31-8-2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị X

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn C
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng H - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Bé D, sinh năm 1989 (có mặt)

Thường trú: 7/9 ấp Trung Đ, xã T, huyện H, Tp.HCM.

Nơi cư trú hiện nay: 83 Phạm Văn B, phường 5, quận T, Tp.HCM.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trường L, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Thường trú: 7/9 ấp Trung Đ, xã T, huyện H, Tp.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn viết ngày 22/3/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải không thành, nguyên đơn bà Đặng Thị Bé D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trường L có tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2010, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Tp.HCM. Sau khi xây dựng gia đình, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2010 thì đôi bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do đôi bên bất đồng quan điểm, ông L thường hay ghen tuông và có hành vi đánh đập bà dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc và hai bên đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm của bà đối với ông L không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: có 02 trẻ tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 08/11/2010 và Nguyễn Trường P, sinh ngày 10/3/2016 (đã chết). Bà D đồng ý giao trẻ T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và xin tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với bà.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải không thành tại tòa bị đơn ông Nguyễn Trường L trình bày:

Về thời gian tìm hiểu tiến đến xây dựng gia đình bà Đặng Thị Bé D trình bày đúng ông thống nhất.

Về mâu thuẫn vợ chồng ông thừa nhận có mâu thuẫn xảy ra và nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn do gia đình trải qua cú sốc lớn là mất đi trẻ P nên ông L thường xuyên rượu chè và đánh đập vợ con, tuy nhiên ông L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, có thể hàn gắn được nên ông không đồng ý ly hôn, nguyện vọng được đoàn tụ cùng bà D.

Về con chung: có 02 trẻ tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 08/11/2010 và Nguyễn Trường P, sinh ngày 10/3/2016 (đã chết). Ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu như đã trình bày. Bị đơn ông L có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo trình tự thủ tục pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Trường L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Lời trình bày của bà Đặng Thị Bé D tại phiên tòa công khai hôm nay phù hợp với chứng cứ thu thập được trong hồ sơ thể hiện đây là mối quan hệ hôn nhân hợp pháp do đôi bên có đăng ký kết hôn theo luật định.

Xét thấy giữa bà D và ông L có nhiều mâu thuẫn bắt đầu từ cuối năm 2010 đến nay nhưng cả bà D và ông L không thể tự giải quyết dẫn đến cuộc sống chung giữa vợ chồng mất hạnh phúc, ông L nhiều lần có hành vi đánh đập bà D và vợ chồng đã ly thân từ tháng năm 2016 đến nay. Từ lúc ly thân cả hai đều không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tại phiên tòa nguyên đơn bà D xác định mâu thuẫn

giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm của bà đối với ông L không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Hội đồng xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xét yêu cầu của bà D xin ly hôn ông L là có cơ sở nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu của ông L không đồng ý ly hôn với bà D và xin đoàn tụ cùng bà D vì ông L cho rằng mâu thuẫn giữa đôi bên không trầm trọng, tuy nhiên ông không đưa ra được phương hướng nào để vợ chồng đoàn tụ với nhau để được bà D chấp nhận, còn bà D thì vẫn cương quyết xin ly hôn ông L, do đó xét yêu cầu của ông L không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ cùng bà D là không có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: có 02 trẻ tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 08/11/2010 và Nguyễn Trường P, sinh ngày 10/3/2016 (đã chết). Hai bên đã thống nhất giao trẻ T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với bà D nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị Bé D:

* Về quan hệ vợ chồng: Bà Đặng Thị Bé D ly hôn ông Nguyễn Trường L.

* Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Trường Thịnh, sinh ngày 08/11/2010 cho ông Nguyễn Trường L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với bà D cho đến khi ông L có yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Không có.

* Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà D chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, tính cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0018267 ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện H.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.H;
- Chi Cục THADS H.H;
- Ủy ban nhân xã T, huyện H, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị X